

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày 14- 02- 2023.

V/v: Không công nhận là vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: ông Tòng Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Giàng A Ly
2. bà Sùng Thị Mỹ

- Thư ký phiên toà: ông Đào Bá Đạt- Thư ký Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải tham gia phiên toà: ông Đoàn Xuân Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc: Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Giàng Thị S, sinh năm 1990

Trú tại: bản Ch, xã Ch, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt. (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* anh Khang A Ch, sinh năm 1988

Trú tại: bản Ch, xã Ch, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Người phiên dịch: ông Thào A Dờ, sinh năm 1979- Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 12 năm 2022 và bản tự khai nguyên đơn Giàng Thị S trình bày: Chị và anh Khang A Ch chung sống với nhau như vợ chồng

từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung; mặt khác do anh Ch đi làm thuê không chịu về nhà lo cho vợ con, gia đình thường xuyên mâu thuẫn, chửi bới, xô sát nhiều lần và đã được hai bên gia đình nội, ngoại hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên chị Giàng Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Khang A Ch.

Tại phiên tòa và bản tự khai đề ngày 14/12/2022 anh Khang A Ch trình bày: Anh chung sống như vợ chồng với chị Giàng Thị S từ năm 2009 trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh và chị S tuy có cãi nhau nhưng không đến mức trầm trọng, cuộc sống vợ chồng có thể cải thiện được nên không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết về đoàn tụ.

Về con chung: Chị Giàng Thị S và anh Khang A Ch có 02 con chung tên là:

1. Khang Thanh S, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2010
2. Khang A Q, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2012

Tại biên bản hòa giải ngày 12/01/2023 chị Giàng Thị S và anh Khang A Ch thỏa thuận thống nhất để anh Khang A Ch trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị Giàng Thị S cấp dưỡng.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của con, ngày 20/12/2022 cháu Khang Thanh S và Khang A Q khai nhận “Nếu bố, mẹ ly hôn cháu xin được ở với bố”.

+ *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Giàng Thị S và anh Khang A Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 20/12/2022 ông Sùng Thành Công- Chủ tịch UBND xã Chế Cu Nha và bà Hằng Thị Phấn- Công chức Tư pháp xã cho biết chị Giàng Thị S và anh Khang A Ch chung sống với nhau từ năm 2009, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh Ch, chị S có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thi thoảng cãi chửi nhau, đã được hai bên gia đình tổ chức hòa giải nhưng vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong việc tham gia tố tụng; nguyên đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Đề nghị xét xử vắng mặt nguyên theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: về quan hệ hôn nhân, đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận chị Giàng Thị S và anh Khang A Ch là vợ chồng; công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con giữa chị S và anh Ch là để anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là

cháu Khang Thanh S và cháu Khang A Q; về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Giàng Thị S khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Khang A Ch thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28, 35, 36, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyên mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị S và anh Khang A Ch chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 không đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên chị Giàng Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Khang A Ch. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Giàng Thị S và Khang A Ch có đủ điều kiện kết hôn mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình không công nhận chị Giàng Thị S và anh Khang A Ch là vợ chồng.

[3] Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Giàng Thị S và anh Khang A Ch là anh Khang A Ch trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Khang Thanh S, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2010 và cháu Khang A Q, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2012 không yêu cầu chị Giàng Thị S cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Giàng Thị S và anh Khang A Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về ý kiến giải quyết của kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, đảm bảo đúng quyền và lợi ích của các bên đương sự nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, nên Tòa án căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Giàng Thị S và anh Khang A Ch là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Khang A Ch trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Khang Thanh S, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2010 và cháu Khang A Q, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2012 chị Giàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện MCC;
- Chi cục THADS huyện MCC;
- UBND xã Chế Cu Nha;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền lợi của đương sự;
- Lưu: HS (2); TA; tiểu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tòng Văn Quân